PHỤ LỤC SỐ 04

(Ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công bố trên thị trường chứng khoán)

CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY LẮP VÀ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Số: 84/BC-CIPC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 02 tháng 6 năm 2020

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM BÁO CÁO: 2019

***KÍNH GỬI*: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

I/ THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0101058736 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/03/2006, cấp thay đổi lần 10 ngày 4/6/2016.

- Vốn điều lệ: 45.450.000.000,VNĐ

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 23.700.930.000, VNĐ

- Địa chỉ trụ sở: Tầng 4, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, Hà Nội.

- Điện thoại: 0433120165 Fax: 0433120141

- Website: www.cipc.vn

- Mã cổ phiếu: CIP

2. Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp tiền thân là Công ty Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp, là đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Xây dựng Công nghiệp Việt Nam (Nay là Tổng Công ty CP Xây dựng Công nghiệp Việt Nam) – Bộ Công Thương.

Công ty trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước, được thành lập ngày 04/6/1059 theo Nghị định 388 của Chủ tịch HĐBT nay là Thủ tướng Chính phủ.

Ngày 20/5/1993 theo Quyết định số 250-QĐ/TCNSĐT của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng Quyết định thành lập lại Công ty Xây lắp II được phép đặt trụ sở tại Phường Trung Thành – Thành phố Thái Nguyên – tỉnh Thái Nguyên.

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP
Ký ngày: 3/6/2020 09:51:47

Ngày 30/7/1996 theo Quyết định số 212/QĐ –TCCB của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc đổi tên Công ty Xây lắp (tên cũ là Công ty Xây lắp II) thành Công ty Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp thuộc Tổng Công ty Thép Việt Nam.

Năm 1998, Công ty được sắp xếp lại từ thành viên của Tổng Công ty Thép chuyển sang cùng một số đơn vị của Bộ Công nghiệp để thành lập Tổng Công ty Xây dựng Công nghiệp Việt Nam (nay là Tổng Công ty cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam) cho phù hợp với ngành nghề kinh doanh, mô hình quản lý xây lắp đa dạng sản phẩm , nhận thầu công trình lớn trọn gói kể cả tư vấn thiết kế,.v.v.v..

Năm 2005, thực hiện chủ trương và lộ trình cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, theo Quyết định số 2980/QĐ-BCN ngày 22/9/2005 và Quyết định số 281/QĐ-BCN ngày 13/2/2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp thành Công ty cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp (tên viết tắt là: CIPC. Mã cổ phiếu: CIP)

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số: 010311630 do Sở kế hoạch và Đầu tư cấp (lần dầu) ngày 31/3/2006; đăng ký thay đổi lần hai ngày 21/5/2006; đăng ký thay đổi lần ba ngày 23/5/2011; đăng ký thay đổi lần bốn ngày 04/5/2012; đăng ký thay đổi kinh doanh lần năm ngày 30/5/2012, đăng ký thay đổi lần 6 ngày 16/5/2014, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 20/5/2014, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 04/12/2014, đăng ký thay đổi lần 9 ngày 02/4/2015, đăng ký thay đổi lần 10 ngày 04/6/2016, đăng ký thay đổi lần 11 ngày 11/10/2018, với mã số doanh nghiệp hiện tại là: 0101058736.

- Ngành nghề kinh doanh chính:

TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí	4322
2	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hòa nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; - Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như: + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sang, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống thiết bị dành cho vui chơi giải trí; - Lắp đặt thiết bị công nghệ, điện nước, đo lường, phòng chống cháy;	4329
3	Lắp đặt hệ thống điện	4321
4	Hoàn thiện công trình xây dựng.	4330

5	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp.	2816
6	Sản xuất đồ gỗ xây dựng.	1622
7	Sản xuất bê tong và các loại sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
8	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá.	2396
9	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại.	2512
10	Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại.	2592
11	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.	3320
12	Xây dựng nhà các loại.	4100
13	Xây dựng công trình công ích.	4220
14	Phá dỡ.	4311
15	Chuẩn bị mặt bằng.	4312
16	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Hoạt động xây dựng chuyên dụng trong một bộ phận thông thường khác nhau về thể loại cấu trúc, yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị dùng riêng như: + Xây dựng nền móng của tòa nhà, gồm đóng cọc, + Thử độ ẩm và các công việc thử nước, + Chống ẩm các tòa nhà, + Chôn chân trụ, + Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, + Uốn thép, + Xây gạch và đặt đá, + Lợp mái bao phủ tòa nhà, + Dựng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng dỡ bỏ hoặc phá hủy các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng.	4390
17	Đại lý, môi giới, đấu giá: Chi tiết: Đại lý, môi giới (không bao gồm môi giới bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tổ nước ngoài)	4610
18	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)	4659
19	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng, lĩnh vực chuyên môn giám sát: Xây dựng và hoàn thiện; - Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; - Tư vấn đầu tư, lập dự án và tổng lập dự toán, quản lý dự án (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);	7110

	- Lập dự án đầu tư xây dựng; Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp; Thiết kế công trình cấp thoát nước; Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng, công nghiệp; Giám sát lắp đặt thiết bị điện công trình dân dụng; Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp; Lập, thẩm tra tổng mức đầu tư; Đánh giá hiệu quả dự án đầu tư xây dựng công trình; Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư, định mức, đơn giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng; Đo bóc khối lượng xây dựng công trình; Lập thẩm tra dự toán xây dựng công trình; Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng; Kiểm soát chi phí xây dựng công trình; Lập hồ sơ thanh quyết toán hợp đồng; Lập hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình;	
20	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản.	6810
21	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây lắp đường dây và trạm biến áp đến 220KV; - Xây lắp đường dây và trạm biến áp, công trình nguồn điện; - Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng đến nhóm A; Các công trình kỹ thuật hạ tầng, khu công nghiệp và khu dân cư; Công trình giao thông đường bộ, cầu cảng, thủy lợi;	4290
22	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịc vụ vận tải đường bộ, đại lý hàng hóa, cho thuê thiết bị và kho bãi;	5229
23	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Mua, bán thiết bị, vật tư kỹ thuật, vật liệu xây dựng;	4663
24	Sản xuất các cấu kiện kim loại Chi tiết: - Sản xuất kết cấu thép, nhà tiền chế, thiết bị phi tiêu chuẩn, tấm lợp, kim loại và phụ kiện.	2511
25	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất các loại vật liệu xây dựng	3290
26	Giáo dục nghề nghiệp: (Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động sản xuất kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	8532

- Địa bàn kinh doanh: Trải dài khắp các tỉnh thành trong cả nước, như: Cà Mau, Bạc Liêu, Bến Tre, Quảng Ninh, Thái Bình, Hải Dương, Nam Định, Thái Nguyên, Hà Tĩnh, Hà Nội, .v.v .

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

* Mô hình quản trị:

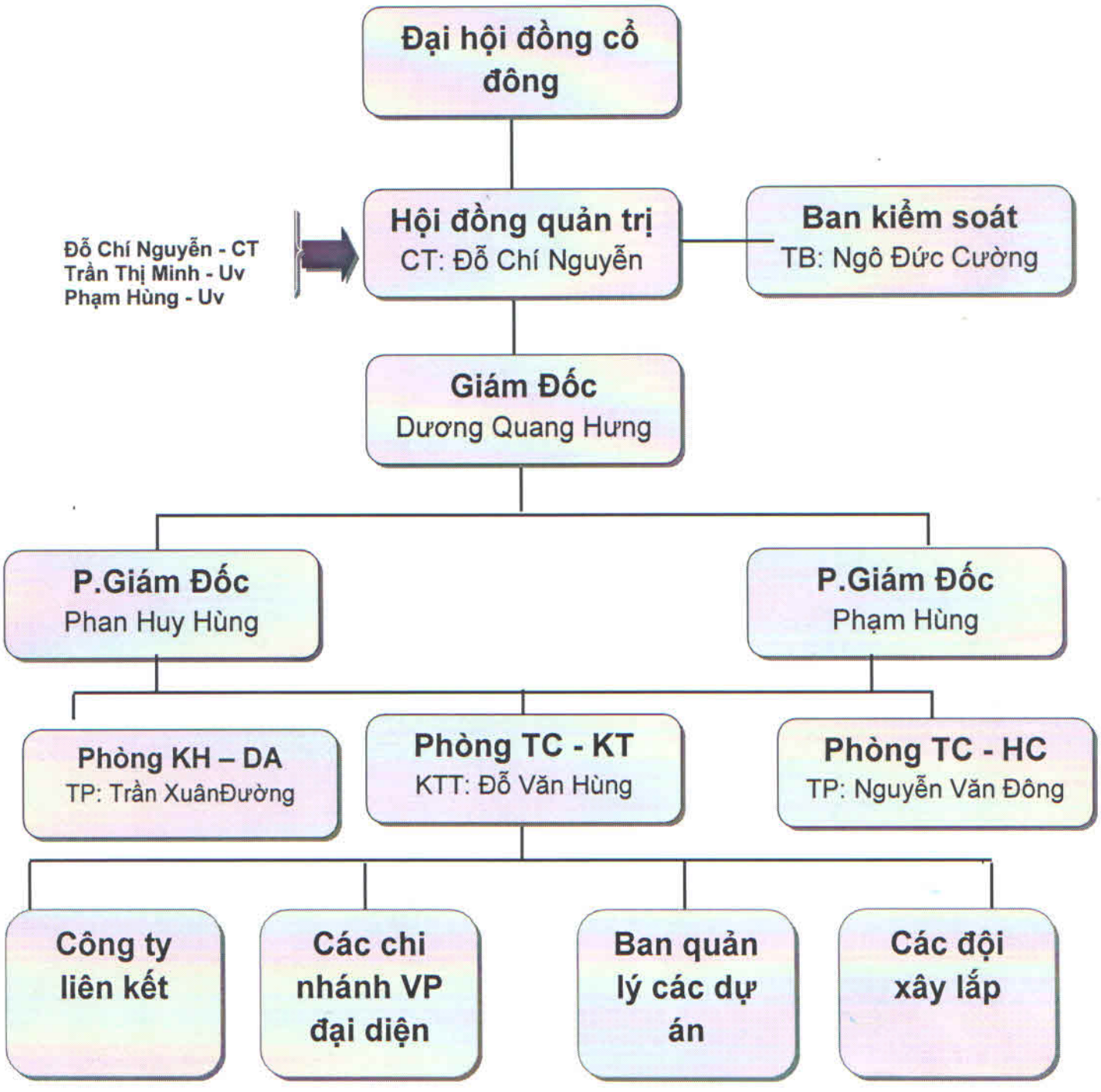

*** DANH SÁCH CÔNG TY MẸ, CÔNG TY LIÊN KẾT, CHI NHÁNH, VPĐD**

Công ty mẹ

Tổng Công ty CP Xây dựng Công nghiệp Việt Nam

- Địa chỉ: Toà nhà số 5 Láng Hạ, Hà Nội

- Số lượng cổ phần nắm giữ: 2.370.093 cổ phiếu
- Tỷ lệ sở hữu: 52.15%

Các Công ty góp vốn:

a. Công ty cổ phần bao bì Sông Công
- Địa chỉ: Thị xã Sông Công, tỉnh Thái Nguyên
- Điện thoại:02803861123 Fax:02803861123
- Vốn điều lệ: 11.057.500.000đ
- Tỷ lệ vốn góp của CIPC: 38%; tương đương: 4.200.000.000 đồng

b. Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm VINAINCON
- Địa chỉ: Huyện Nam Sách - Hải Dương
- Điện thoại: Fax:
- Vốn điều lệ: 40.000.000.000đ
- Tỷ lệ vốn góp của CIPC:20%; tương đương: 8.000.000.000 đồng

c. Tổng Công ty Cổ phần VINAINCON
- Địa chỉ: Tòa nhà số 5 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội
- Điện thoại: Fax:
- Vốn điều lệ: 550.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ vốn góp của CIPC: 0,36%; tương đương: 2.000.000.000 đồng (theo mệnh giá)

d. Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất công nghiệp Đức Giang
- Địa chỉ: 106 Đức Giang, phường Đức Giang, Long Biên, Hà Nội
- Điện thoại: Fax:
- Vốn điều lệ: 12.000.000.000đ
- Tỷ lệ vốn góp của CIPC:10%; tương đương: 1.200.000.000 đồng

Chi nhánh và văn phòng đại diện

a. Chi nhánh Công ty CP Xây lắp và SX Công nghiệp - Xí nghiệp xây lắp và thi công cơ giới:
- Địa chỉ: Phường Thượng Đình - Quận Thanh Xuân - TP Hà Nội
- Tel/ fax: 04.35584472/04.38584274

b. Chi nhánh Công ty CP Xây lắp và SX Công nghiệp - Xí nghiệp Xây lắp và Khảo sát Công trình:
- Địa chỉ: Thanh trì, TP Hà Nội
- Tel/ fax: 04.38610994 / 38610994

c. Chi nhánh Công ty CP Xây lắp và SX Công nghiệp - Xí nghiệp Xây lắp 4:
- Địa chỉ: Phú Diễn, Huyện Từ Liêm, Hà Nội
- Tel/ fax: 04.37659072 / 04.38372736

d. VPĐD công ty tại Quảng Ninh:
- Địa chỉ : phường Cẩm Thịnh, Thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh
- Điện thoại : 033.3865166 Fax: 033.3865166

5. Định hướng phát triển:

5.1. Về phát triển thị trường

- Xây dựng công nghiệp: Tiếp cận và phát triển các công việc với đối tác nước ngoài và doanh nghiệp trên địa bàn cả nước.

- Xây dựng dân dụng: Phát triển thị trường xây dựng nhà cao tầng, nhà ở tại địa bàn Hà Nội và các tỉnh lân cận.

- Các công trình khác: Phát triển và điều chỉnh phù hợp theo năng lực.

5.2. Nâng cao năng lực phục vụ phát triển thị trường và phục vụ SXKD chính

- Về tổ chức: Với một bộ máy Công ty duy nhất, phát triển bộ máy Công ty gọn nhẹ nhưng hiệu quả, không ngừng nâng cao trình độ, năng lực quản lý SXKD cho CBCNV và loại bỏ các yếu tố kém hiệu quả trong quản lý, phát triển con người phù hợp với năng lực và công việc của Công ty.

- Về máy móc thiết bị thi công: Theo phát triển thị trường và công việc, có hướng đầu tư đón trước các công việc theo kế hoạch. Đầu tư các thiết bị phù hợp phục vụ thi công, cạnh tranh với các đơn vị khác.

- Về tài chính: Luôn minh bạch hóa tài chính. Tạo nguồn vốn kịp thời phục vụ SXKD. Nâng cao khả năng vay tín dụng, đủ để phục vụ doanh thu khoảng 500 tỷ đồng đến năm 2020.

6. Các rủi ro:

Với ngành nghề đặc thù là Xây lắp dân dụng và công nghiệp, nên có nhiều những rủi ro luôn tiềm ẩn từ khách quan mang lại như: Những biến động về giá vật tư, biến động về cơ chế chính sách vĩ mô của nhà nước, biến động về sự dịch chuyển của thị trường, ... ngoài ra mặc dù Công ty luôn đặt vấn đề quan tâm đến ATLĐ, VSCN, PCCN lên hàng đầu, nhưng với những rủi ro không mong muốn sẽ luôn làm ảnh hưởng đến hiệu quả SXKD chung của toàn Công ty.

II/ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2019

1. Kết quả hoạt động SXKD 2019

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2018	Năm 2019			
			Nghị quyết năm 2019	Thực hiện năm 2019	Tỷ lệ % TH so với năm 2018	Tỷ lệ % so với NQ năm 2019
A	B	1	2	3	4=3/1	5=3/2
1	Tổng DT và TN khác	332.149	385.000	281.870	84,8	73,2
	Trong đó					
	1.1. Doanh thu thuần	*315.140*	*384.000*	*275.690*	*87,5*	*71,8*

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2018	Năm 2019			
			Nghị quyết năm 2019	Thực hiện năm 2019	Tỷ lệ % TH so với năm 2018	Tỷ lệ % so với NQ năm 2019
A	B	1	2	3	4=3/1	5=3/2
	1.2. Doanh thu tài chính	*642*		*887*	*138*	
	1.3. Thu nhập khác	*16.367*	*1.000*	*5.293*	*32,3*	*529*
2	Lợi nhuận sau thuế	(4.787)	4.580	273		0,6
3	Tổng quỹ lương *Trong đó: Quỹ tiền lương trích vào chi phí SXKD (lao động trong danh sách)*	*10.450*	- *10.600*	18.556 *4.154*	*39,7*	*39,2*
4	TNBQ đối với LĐ trong DS *(triệu đồng/người/tháng)*	8,215	8,3	8,2	99,8	98,8
5	Chia cổ tức/VĐL (%)	0	-	0		

3. Tổ chức và nhân sự

3.1 Hội đồng quản trị khóa III (2016-2020)

Hội đồng quản trị hiện tại:

Ông Đỗ Chí Nguyễn : Chủ tịch HĐQT

Bà Trần Thị Minh: Ủy viên HĐQT

Ông Phạm Hùng: ủy viên HĐQT

3.2 Ban Kiểm soát

Ông Ngô Đức Cường – Trưởng ban KS

Ông Trần Đức Hoàng: Thành viên BKS

Bà Nguyễn Thị Bích Hạnh - Thành viên BKS

3.3 Ban điều hành

Giám đốc: Dương Quang Hưng

Phó Giám đốc: Phạm Hùng

Phó Giám đốc: Phan Huy Hùng

Kế toán trưởng: Đỗ Văn Hùng

3.4 Những thay đổi nhân sự trong năm:

Quyết định số 02/QĐ-CIPC-HĐQT ngày 04/01/2019 của Hội đồng quản trị về việc Bổ nhiệm Phó Giám đốc Công ty đối với ông Phan Huy Hùng, thời gian kể từ ngày 08/01/2019.

3.5 Tổng số cán bộ, nhân viên đến 31/12/2018: 40 người

Thu nhập bình quân 8.200.000, đ/ng/thg. (LĐ trong danh sách)

4. Tình hình đầu tư các dự án

- Dự án Văn phòng Công ty tại 150/72 Nguyễn Trãi: Dự án được chuyển giao năm 2015, nhưng do các thủ tục hành chính Nhà nước thay đổi. Hiện đang tiến hành làm lại các thủ tục phù hợp với quy định của Nhà Nước.

- Dự án Xuân Phương: Đã có thông báo của UBND quận Nam Từ Liêm thu hồi làm bãi đỗ xe và đề nghị UBND thành phố Hà Nội thu hồi dự án. Ủy ban NDTP Hà Nội đã họp và Chủ tịch đề nghị thu hồi giấy CNĐT trong năm 2017. Hiện nay vẫn đang ký kết với nhà đầu tư khác xin thành phố cho thực hiện lại theo mục đích mới nhưng khó khả thi.

- Khu đất tại số 1 Đại Đồng, phường Thanh Trì, Hoàng Mai, Hà Nội: Đã hết thời hạn hợp đồng nhưng không gia hạn hay thuê tiếp dài hạn được do đã nằm trong ô TH15 (Quy hoạch 1/500 Hoàng Mai, dùng chọn khu đất này để xây trường tiểu học) từ lâu. Hiện Công ty đang cho thuê khai thác, nguồn thu mỗi năm là 1.640 triệu đồng, được sử dụng để trả nợ tiền thuế đất và BHXH của Chi nhánh XL&KSCT.

- Khu đất và nhà xưởng tại Đức Giang (3.485 m2): Đã thực hiện theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước về việc Cổ phần hóa đơn vị có liên quan đến quyền sử dụng đất. Cụ thể, Công ty đã làm thủ tục chuyển trả khu đất này về cho Sở tài nguyên môi trường và đang chờ các cơ quan chức năng giải quyết. Đồng thời đã thu hồi ủy quyền sử dụng khu đất cho công ty liên kết, Công ty là chủ sở hữu khu đất hiện nay.

5. Đầu tư góp vốn vào các Công ty liên kết khác là: 15.580.000.000,đ

Cụ thể:-Vốn đầu tư vào Công ty CP Bao bì Sông Công: 4.200.000.000,đ

- Vốn đầu tư vào VINAINCON: 2.180.000.000,đ
- Vốn đầu tư vào Công ty CP bê tông VINAINCON: 8.000.000.000,đ
- Vốn đầu tư vào Công ty CP XL&SXCN Đức Giang: 1.200.000.000,đ

6. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm
Doanh thu thuần	**385.000**	**281.870**	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			

Lợi nhuận khác			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế	**4.580**	**273**	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0,99	1,00	
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho / Nợ ngắn hạn	0,69	0,70	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,92	0,9	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	11,75	9,28	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho	2,1	1,98	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,55	0,6	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-0,015	0,001	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	-0,1	0,006	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-0,008	0,0006	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	-0,053	-0,004	

7. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần: Tổng số cổ phần đang lưu hành: 4.545.000 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông:

- Cổ đông lớn: Tổng Công ty cổ phần Xây dựng công nghiệp Việt Nam: 52,15%
- Các cổ đông khác: 47,85%
- Cổ đông là tổ chức: 02 cổ đông

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có thay đổi

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có cổ phiếu quỹ

e) Các chứng khoán khác: Không có

8. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

8.1 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty luôn chấp hành đúng các quy định về bảo vệ môi trường

8.2 Các chính sách đối với người lao động

a) Số lượng cán bộ nhân viên: 40 người; Mức lương bình quân: 8.200.000, đ/ng/thg

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Công ty có chế độ ăn ca cho toàn bộ cán bộ nhân viên trong Công ty. Các ngày lễ, tết trong năm đều được thưởng tiền, hàng năm đều có tổ chức cho cán bộ nhân viên đi thăm quan. Thường xuyên tổ chức các hoạt động Văn hóa - thể thao nhằm nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

Công ty thực hiện việc đào tạo người lao động theo hình thức đào tạo tại chỗ, cập nhật các kiến thức xã hội, những phát triển công nghệ và các chế độ, chính sách mới của Nhà nước.

8.3) Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Luôn có tinh thần hỗ trợ cộng đồng và công tác xã hội tại địa phương

III/ BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động SXKD:

Năm 2019 là năm thực sự khó khăn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, những áp lực từ nền kinh tế thị trường trong giai đoạn mới, những ảnh hưởng từ hậu quả về buông lỏng quản lý để lại của những năm trước, nhân lực có chất lượng, kinh nghiệm ngày càng hao mòn. Công tác thị trường trong năm 2019 gặp nhiều khó khăn trong môi trường cạnh tranh ngày càng gay gắt và năng lực của Công ty còn nhiều mặt hạn chế. Từ đó dẫn đến kết quả SXKD năm 2019 không đạt theo Nghị quyết của ĐHCĐ đề ra.

Với những khó khăn được dự báo trước, Hội đồng quản trị trong năm đã thường xuyên bám sát cùng các hoạt động SXKD của Công ty để có những chỉ đạo kịp thời nhằm giảm thiểu những rủi ro. Cùng với đó là việc tạo niềm tin, kêu gọi các đối tác, các đội xây lắp tìm kiếm nguồn việc mới đưa về Công ty, có sản lượng, doanh thu để bù đắp luân chuyển, giảm áp lực về tài chính ngân hàng. Trong năm 2019 có 3 gói thầu lớn từ các đối tác và đội xây lắp khai thác với giá trị gần 200 tỷ đồng đã được triển khai.

Với mục tiêu dài hạn, Công ty hiện đang tìm hiểu, xúc tiến, tiếp cận với với những thị trường mới, ngành nghề mới, nhằm chủ động khi thị trường xây lắp sẽ ngày càng khó khăn sụt giảm trong những năm tiếp theo.

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản:

Cuối năm 2019 tổng tài sản của Công ty là 536 tỷ, giảm 10% so với năm 2018,

b) Tình hình nợ phải trả

Nợ phải trả năm 2019 là 484 tỷ, giảm 10% so với năm 2018.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Công ty vẫn tiếp tục duy trì 02 mô hình quản lý các công trình thi công là: Quản lý tập chung và giao khoán Đội xây lắp hoặc thầu phụ (một số đối tác chiến lược). Đối với các công trình có giá trị Hợp đồng lớn (thường lớn hơn 100 tỷ đồng), Công ty lập bộ máy Ban điều hành, Ban chỉ huy để thực hiện. Còn đối với các công trình giá trị hợp đồng nhỏ, hoặc các gói thầu do các đối tác khai thác, tìm kiếm thì sẽ giao thầu phụ hoặc Đội xây lắp thực hiện. Trong năm 2019 việc triển khai thi công chủ yếu là giao khoán Đội xây lắp và thầu phụ thi công, 03 công trình quản lý tập chung chủ yếu là xử lý, hoàn thiện tiếp các công việc tồn đọng năm 2018 chuyển sang.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

4.1. Công tác thị trường

Tiếp tục đặt trọng tâm tìm kiếm, tiếp thị khai thác các sản phẩm là nguồn vốn ngân sách tại khu vực Hà Nội (Đông Anh, Bắc Từ Liêm) và một số công trình vốn ngân sách thuộc Bộ Văn Hóa, tổng công ty Than khoáng sản.

Tìm kiếm các sản phẩm có nguồn vốn tư nhân khả thi khác; Đặt mục tiêu nâng cao chất lượng một sản phẩm nhất định để tạo lợi thế.

4.2. Công tác quản lý hoạt động SXKD

Quan hệ tốt với ngân hàng, đảm bảo nguồn vốn kịp thời cho sản xuất.

Hoàn thiện cơ chế quản lý thông thoáng, minh bạch mà vẫn đảm bảo chặt chẽ, thu hút thêm các đối tác và đội thi công tích cực tham gia sản xuất cùng công ty

Tinh giản bộ máy, hoàn thiện cơ chế lương thưởng kích thích người lao đông hang say sáng tạo.

Hoàn thiện các cơ chế định mức, chuẩn hóa quá trình quản lý các công trình tập trung.

Tập trung điều hành kích thích, hỗ trợ sản xuất cho các công trình lớn, có vốn và hiệu quả tốt.

5. Báo cáo tài chính 2019

a/ Ý kiến của kiểm toán viên

Các khoản nợ phải thu - phải trả không biến động trong năm với số tiền lần lượt là 85,4 tỷ đồng và 70,98 tỷ đồng chưa được đối chiếu tại thời điểm 31/12/2019. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế để xem xét các số dư các khoản nợ phải thu và phải trả này, tuy nhiên các thủ tục do chúng tôi thực hiện chưa giúp chúng tôi có được đầy đủ các bằng chứng cần thiết để đưa ý kiến về tính hiện hữu, đúng đắn về số dư của các khoản công nợ nêu trên cũng như đánh giá xem có cần thiết phải trích lập dự phòng đối với nợ phải thu

khó đòi, rủi ro tiềm tàng (nếu có) đối với nợ phải trả không biến động được trình bày trên Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty.

Đến thời điểm 31/12/2019, Dự án tổ hợp Thương mại Văn phòng 119 đường K2 Cầu Diễn được thực hiện theo hình thức đấu thầu Công ty trực tiếp thi công, có giá trị hợp đồng không bao gồm thuế là 171,24 tỷ đồng. Doanh thu lũy kế theo nghiệm thu từng lần với Chủ đầu tư tính đến 31/12/2019 là 170,47 tỷ đồng, chi phí dở dang của Dự án vẫn còn 16,32 tỷ. Công ty đã lập hồ sơ đề nghị Chủ đầu tư hỗ trợ một số chi phí với giá trị 22,56 tỷ đồng, tuy nhiên đến thời điểm hiện tại chưa có sự thống nhất giữa hai bên về nội dung này.
Tại thời điểm 31/12/2019, Công ty chưa ghi nhận các khoản tiền chậm nộp theo thông báo của cơ quan thuế với số tiền 7,2 tỷ đồng. Nếu các khoản chi phí này được ghi nhận, số lỗ của Công ty sẽ tăng lên tương ứng.

Tại thời điểm 31/12/2019 Báo cáo tài chính của Công ty CP Bê tông ly tâm Vinaincon bị lỗ, Công ty chưa trích lập dự phòng đầy đủ cho khoản đầu tư này theo quy định của Thông tư 48/2019/TT-BTC ban hành ngày 08/08/2019.

b. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán CPA Việt Nam và được gửi cho Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và được đăng tải trên website của Công ty.

IV ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT CÔNG TY

Năm 2019 công tác quản trị được tăng cường, giám sát chặt chẽ các hoạt động của doanh nghiệp, kịp thời có những điều chỉnh và định hướng theo đúng mục tiêu mà ĐHĐCĐ thường niên đã đề ra.

Trong năm 2019 HĐQT Công ty đã tổ chức họp và xin ý kiến các thành viên bằng văn bản 11 lần, ban hành các nghị quyết và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Tuân thủ đầy đủ các quy định của UBCK, Sở Giao dịch chứng khoán và trung tâm lưu ký chứng khoán trong việc công bố thông tin đại chúng và các quy định bắt buộc khác.

* Nhiệm vụ của HĐQT trong năm 2020

- Năm 2020 là năm cuối của nhiệm kỳ 2016-2020, Hội đồng quản trị cần tập trung và tăng cường công tác quản trị, giám sát và hỗ trợ kịp thời hoạt động của Ban điều hành thực hiện tốt nhất kế hoạch 2020 được Đại hội thông qua

- Xây dựng chiến lược mục tiêu và các giải pháp thực hiện cho nhiệm kỳ tiếp theo (theo nhiệm kỳ tài chính 2021-2015) trình ĐHĐCĐ nhiệm kỳ vào tháng 4/2021.

- Thực hiện tốt nhất các ủy quyền mà Đại hội đã ủy thác.

V/ BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN

(Bản Scan kèm theo)

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

GIÁM ĐỐC CÔNG TY

GIÁM ĐỐC

Dương Quang Hưng